

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ - ST

Ngày 15 – 07 – 2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Như Vũ;

2. Ông Bùi Quang Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Kim N, sinh năm 1965 (Có mặt);

HKTT: Khu Trần, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

HKTT: Khu Trần, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện cư trú: Khu Xuân Ổ B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Kim N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1987 đến nay. Do ông và bà Hg có đến UBND xã Hạp Lĩnh, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để đăng ký kết hôn và có ký vào giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, quá trình lưu giữ ông đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Còn việc ông khai là bà H không ký vào giấy đăng ký kết hôn là do bà H nói lại với ông như vậy. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn ban đầu hoà thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế. Nên vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2018 đến nay. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị Hiến, sinh năm 1989; Trần Thị Hoa, sinh năm 1991 và Trần Kim Hiếu, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2020 và ngày 25/6/2020 bà H cho biết: Bà và ông Trần Kim N có tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ tháng 9/1987 đến nay. Bà xác nhận có cùng ông Nghĩa đến UBND xã Hạp Lĩnh, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà không nhớ là có ký vào sổ đăng ký kết hôn hay không và từ đó đến nay bà chưa bao giờ nhìn thấy Giấy đăng ký kết hôn của bà và ông N. Nay ông N yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn. Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Hiến, sinh năm 1989; Trần Thị Hoa, sinh năm 1991 và Trần Kim Hiếu, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Toà án công bố lời khai của bị đơn, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đỗ Anh Tuấn đã được Toà án triệu tập nhưng vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hoà giải công khai chứng cứ cũng như xét xử của Toà án.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Kim N và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Ông Trần Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, ông Trần Kim N yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị H nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đăng ký tạm trú tại Khu Xuân Ổ B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Kim N và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/1987 đến nay. Ông N và bà H đều xác nhận có đến UBND xã Hạp Lĩnh, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông N cho rằng ông và bà H có ký vào giấy đăng ký kết hôn, còn bà H thì không nhớ có ký vào giấy đăng ký kết hôn hay không. Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2020 của Tòa án tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thể hiện “sổ đăng ký kết hôn từ năm 1984 đến hết năm 1988 hiện đã bị thất lạc không có hồ sơ lưu trữ tại UBND phường H” nên không có đủ căn cứ xác định ông N và bà H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, nếu ông N có yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H thì chỉ được xem xét giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Kim N và bà Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Ông Trần Kim N và bà Nguyễn Thị H xác định có 03 con chung là Trần Thị Hiến, sinh năm 1989; Trần Thị Hoa, sinh năm 1991 và Trần Kim Hiếu, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Kim N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Kim N và bà Nguyễn Thị H .

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Ông Trần Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận ông Trần Kim N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0000231 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thanh Ngọc